TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HS-ST
Ngày 25/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Phương Dung;
Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đình Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn H, sinh ngày 10/9/1997 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Khu phố G, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1, sinh năm 1973 và bà Lê Thị H2, sinh năm 1976; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 26/4/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2023.

2. Họ và tên: Vi Văn T, sinh ngày 26/02/1999 tại Quảng Ninh. Nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; tạm trú: Khu phố G, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn H3, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1980; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 26/4/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2023.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Hồng T1, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Bà Châu Thị Kim L, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Cẩm L1, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

5. Bà Lê Thị L2, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

6. Bà Thái Thị Kim T2, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

7. Ông Phan Văn S, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

9. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Khu phố I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

10. Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Khu phố G, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

11. Ông Vũ Văn C, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Khu phố F, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

12. Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1951. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

13. Bà Đồng Thị L3, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

14. Bà Nguyễn Thị Mỹ L4, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 28/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P nhận được đơn tố cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H4 và bà Trần Thị Hồng T1 tố cáo Trần Văn H và Vi Văn T có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiến hành làm việc với H và T, H và T khai nhận hành vi cho vay lãi nặng với hình thức: Người vay số tiền là 5.000.000 đồng, H và T sẽ thu tổng tiền phí (lãi) là 980.000 đồng, sau đó người vay phải trả nợ gốc là 5.000.000 đồng bằng hình thức góp mỗi ngày là 250.000 đồng trong thời hạn 20 ngày (tương đương lãi suất 0,98%/ngày, 29,4%/ tháng, 352,8%/năm). Người vay sẽ vay được tối đa 03 dây (mỗi dây/khoản vay là 5.000.000 đồng) tương ứng số tiền vay là 15.000.000 đồng, số tiền thu phí và tiền góp tăng theo lũy kế như trên. Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2022 đến cuối tháng 10/2022, H và T đã cho 14 người vay tiền

và thu tiền lãi bằng hình thức như trên. Tổng số tiên lãi thu được của người vay là 154.590.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 145.833.836 đồng, cụ thể như sau:

1. Bà Trần Thị Hồng T1, sinh năm 1986, nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương: Từ tháng 4/2021, bắt đầu vay lần đầu với số tiền 5.000.000 đồng, tiền lãi là 980.000 đồng, cứ 20 ngày bà T1 trả góp đủ số tiền gốc là 5.000.000 đồng. Cứ như vậy, đến tháng 7/2022, bà T1 vay tổng cộng 23 lần. Như vậy, tổng số tiền đã vay là 115.000.000 đồng, số tiền lãi đã nộp là 22.540.000 đồng, bà T1 đã trả hết tiền gốc và lãi.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 1978, nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương: Khoảng tháng 01/2022 bắt đầu vay số tiền 5.000.000 đồng, tiền lãi là 980.000 đồng, sau 20 ngày bà H4 trả góp đủ số tiền gốc là 5.000.000 đồng. Sau 20 ngày thì bà H4 tiếp tục vay, tính đến tháng 6/2022, bà H4 vay thêm 06 lần (mỗi lần vay 03 dây tương ứng số tiền 15.000.000 đồng) với số tiền là 95.000.000 đồng, tiền lãi là 18.620.000 đồng, bà H4 đã trả hết gốc và lãi.

3. Bà Châu Thị Kim L, sinh năm 1965, nơi cư trú: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương: Trong năm 2021, bắt đầu vay số tiền 5.000.000 đồng, tiền lãi là 980.000 đồng, nợ gốc trả trong vòng 20 ngày. Sau 20 ngày, bà L tiếp tục vay và đã vay tổng cộng 05 lần, với số tiền là 25.000.000 đồng, tương ứng tiền lãi đã đóng là 4.900.000 đồng, bà L đã trả hết gốc và lãi.

4. Bà Trần Thị Cẩm L1, sinh năm 1973, nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương: Khoảng tháng 02/2021 bắt đầu vay số tiền 5.000.000 đồng, tiền lãi là 980.000 đồng, nợ gốc trả trong vòng 20 ngày. Sau 20 ngày thì tiếp tục vay, tính đến giữa năm 2022 đã vay 20 lần với số tiền đã vay là 100.000.000 đồng, tiền lãi đã nộp là 19.600.000 đồng, bà L1 đã trả hết gốc và lãi.

5. Bà Lê Thị L2, sinh năm 1971, nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương: Khoảng tháng 4/2022, bắt đầu vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi là 1.800.000 đồng, nợ gốc trả trong vòng 20 ngày. Sau 20 ngày, tính đến ngày 24/10/2022, bà L2 đã vay được 10 lần (mỗi lần vay 10.000.000 đồng) với số tiền là 100.000.000 đồng, số tiền lãi đã nộp là 18.0000.000 đồng, bà L2 đã trả hết gốc và lãi.

6. Bà Thái Thị Kim T2, sinh năm 1976, nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương: Khoảng tháng 02/2022, bắt đầu vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi là 1.960.000 đồng, nợ gốc trả trong vòng 20 ngày. Sau 20 ngày, bà T2 tiếp tục vay lần 2 với số tiền 10.000.000 đồng và tổng cộng đã vay 12 lần với số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi mỗi lần là 1.960.000 đồng. Tính đến ngày 25/10/2022, bà T2 đã vay tổng số tiền là 120.000.000 đồng, tiền lãi đã nộp là 23.520.000 đồng, bà T2 đã trả hết gốc và lãi.

7. Ông Phan Văn S, sinh năm 1985, nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương: Từ tháng 8/2022, bắt đầu vay số tiền là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 980.000 đồng, nợ gốc trả trong vòng 20 ngày. Sau 20 ngày, ông S tiếp tục vay thêm 03 lần, mỗi lần là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 1.960.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền đã vay là 35.000.000 đồng, tiền lãi đã nộp là 6.860.000 đồng, ông S đã trả hết gốc và lãi.

8. Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1975, nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương: Từ tháng 01/2021, bắt đầu vay số tiền là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 980.000 đồng, nợ gốc trả trong vòng 20 ngày. Sau 20 ngày, bà V1 tiếp tục vay, đã vay

tổng cộng 10 lần. Như vậy, tổng số tiền đã vay là 50.000.000 đồng, tiền lãi đã nộp là 9.800.000 đồng, bà V1 đã trả hết gốc và lãi.

9. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1985, nơi cư trú: Khu phố I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương: Từ tháng 3/2022 bắt đầu vay số tiền là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 450.000 đồng, nợ gốc trả trong vòng 20 ngày. Sau 20 ngày, bà N tiếp tục vay thêm 01 lần 3.000.000 động và 02 lần là 5.000.000 đồng (tiền lãi là 1.960.000 đồng). Như vậy, tổng số tiền đã vay là 16.000.000 đồng, tiền lãi đã nộp là 2.860.000 đồng, bà N đã trả hết gốc và lãi.

10. Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1966, nơi cư trú: Khu phố G, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương: Khoảng tháng 4/2021 vay số tiền là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 2.940.000 đồng, nợ gốc trả trong vòng 20 ngày. Như vậy, tổng số tiền đã vay là 15.000.000 đồng, tiền lãi đã nộp là 2.940.000 đồng, bà P đã trả hết gốc và lãi.

11. Ông Vũ Văn C, sinh năm 1987, nơi cư trú: Khu phố F, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương: Khoảng tháng 5/2022 bắt đầu vay số tiền là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 980.000 đồng, nợ gốc trả trong vòng 20 ngày. Đến tháng 8/2022, ông C vay lần 2 với số tiền 5.000.000 đồng, tiền lãi là 980.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền đã vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi đã nộp là 1.960.000 đồng, ông C đã trả hết gốc và lãi.

12. Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1951, nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương: Khoảng tháng 8/2022 bắt đầu vay số tiền là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 980.000 đồng, nợ gốc trả trong vòng 20 ngày. Sau 20 ngày, ông P1 vay lần 2 với số tiền 5.000.000 đồng, tiền lãi là 980.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền đã vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi đã nộp là 1.960.000 đồng, ông P1 đã trả hết gốc và lãi.

13. Bà Đồng Thị L3, sinh năm 1978, nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương: Khoảng tháng 3/2022 bắt đầu vay số tiền là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 980.000 đồng, nợ gốc trả trong vòng 20 ngày. Sau 20 ngày, bà L3 tiếp tục vay, đã vay tổng cộng 04 lần. Như vậy, tổng số tiền đã vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi đã nộp là 3.920.000 đồng, bà L3 đã trả hết gốc và lãi.

14. Bà Nguyễn Thị Mỹ L4, sinh năm 1970, nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương: Khoảng tháng 6/2021 bắt đầu vay số tiền là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 450.000 đồng, nợ gốc trả trong vòng 20 ngày. Sau 20 ngày, bà L4 tiếp tục vay 17 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, tiền lãi là 980.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền đã vay là 88.000.000 đồng, tiền lãi đã nộp là 17.110.000 đồng, bà L4 đã trả hết gốc và lãi.

Trần Văn H làm việc cho Công ty F.HP từ tháng 3/2022 đến tháng 7/2022 thì nghỉ, từ tháng 7/2022 thì đối tượng Vi Thị H5, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn F, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh vào làm thay vị trí của H tại Công ty F.HP. Từ tháng 7/2022 đến cuối tháng 10/2022, H5 đã tham gia, cấu kết với H và T cho 05 người vay với tổng số tiền gốc là 90.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu của người vay là 17.640.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, vỏ màu đỏ của Trần Văn H và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, vỏ màu đen xám của Vi Văn T.

Cáo trạng số 09/CT-VKSPG ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo truy tố các bị cáo Trần Văn H và Vi Văn T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình

sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H và Vi Văn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt chính:

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn H 12 (mười hai) tháng tù.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vi Văn T 12 (mười hai) tháng tù

- Về biện pháp tư pháp:

+ Buộc bị cáo H và T có trách nhiệm liên đới trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi thu lợi bất chính là 145.834.000 đồng.

+ Buộc các bị cáo H và T có trách nhiệm liên đới nộp lại số tiền 8.756.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, vỏ màu đỏ của bị cáo Trần Văn H và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, vỏ màu đen xám của bị cáo Vi Văn T.

Các bị cáo Trần Văn H và Vi Văn T không có ý kiến tranh luận. Bị cáo đồng ý với vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo về mức hình phạt, tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và biện pháp tư pháp.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Trần Văn H và Vi Văn T nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận và ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Hồng T3, bà Phạm Thị N và ông Phan Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H4, bà Châu Thị Kim L, bà Trần Thị Cẩm

L1, bà Lê Thị L2, bà Thái Thị Kim T2, bà Nguyễn Thị V1, bà Trần Thị Kim P, ông Vũ Văn C và ông Nguyễn Văn P1, bà Đồng Thị L3 và bà Nguyễn Thị Mỹ L4 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã lấy lời khai, việc vắng mặt không trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn H và Vi Văn T khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2022 đến cuối tháng 10 năm 2022, tại khu phố A, thị trấn P, huyện P, các bị cáo Trần Văn H và Vi Văn T đã cho 14 người vay tiền với tổng số tiền vay là 799.000.000 đồng với lãi suất 0,98%/ngày, tương đương với 29,4%/tháng, với 352,8%/năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất cho phép là 20%/năm (gấp 17,64 lần) theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi mà những người vay đã trả cho các bị cáo H và T là 154.590.000 đồng; trong đó: Số tiền lãi các bị cáo H và T thu lợi bất chính là 145.833.836 đồng, số tiền lãi phù hợp quy định pháp luật là 8.756.164 đồng. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[5] Các bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để cho vay với lãi suất cao hơn 5 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định và số tiền thu lợi bất chính là 145.833.836 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Trần Văn H và Vi Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[6] Do đó, Cáo trạng số 09/CT-VKSPG ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trần Văn H và Vi Văn T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Trong đó, các bị cáo đều chủ động tham gia với vai trò là người thực hành. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự để phân hoá hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Tội phạm do các bị cáo thực hiện xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, làm ảnh hưởng tới an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo, nêu gương và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo như sau:

[8.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo Trần Văn H và Vi Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Tại phiên

tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các biện pháp tư pháp đối với các bị cáo Trần Văn H và Vi Văn T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về biện pháp tư pháp:

[10.1] Đối với số tiền 799.000.000 đồng là tiền gốc của đối tượng Trần Văn T4 đã bỏ ra để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P chưa xác định được đối tượng T4 đang làm gì, ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra thông báo truy tìm và sẽ tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[10.2] Đối với số tiền lãi thu lợi bất chính khi cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay là 145.834.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tiền các bị cáo H và T thu lợi bất chính từ việc phạm tội, các bị cáo H và T có trách nhiệm liên đới trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồng T1 số tiền 21.280.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thanh H4 số tiền 17.579.000 đồng; bà Châu Thị Kim L số tiền 4.626.000 đồng; bà Trần Thị Cẩm L1 số tiền 18.504.000 đồng; bà Lê Thị L2 số tiền 16.904.000 đồng; bà Thái Thị Kim T2 số tiền 22.205.000 đồng; ông Phan Văn S số tiền 6.476.000 đồng; bà Nguyễn Thị V1 số tiền 9.252.000 đồng; bà Phạm Thị N số tiền 2.685.000 đồng; bà Trần Thị Kim P số tiền 2.776.000 đồng; ông Vũ Văn C số tiền 1.850.000 đồng; ông Nguyễn Văn P1 số tiền 1.850.000 đồng; bà Đồng Thị L3 số tiền 3.701.000 đồng và bà Nguyễn Thị Mỹ L4 số tiền 16.146.000 đồng.

[10.3] Đối với số tiền lãi thu lợi phù hợp pháp luật khi cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay là 8.756.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên buộc các bị cáo H và T có trách nhiệm liên đới nộp lại số tiền 8.756.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, vỏ màu đỏ của bị cáo Trần Văn H và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, vỏ màu đen xám của bị cáo Vi Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với hành vi của Vi Thị H5, từ tháng 7/2022 cho đến cuối tháng 10/2022, H5 đã tham gia với các bị cáo Trần Văn H, Vi Văn T cho 05 người vay với tổng số tiền là 90.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu của người vay là 17.640.000 đồng. Do đó, hành vi của H5 chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

[13] Đối với hành vi của các đối tượng Trần Thanh T5 và Trần Văn T4, quá trình điều tra T5 và T4 không có mặt tại địa phương, xác minh tại nơi cư trú địa phương không xác định được T5 và T4 đang làm gì ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an huyện P đã ra thông báo truy tìm và sẽ tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 292, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H và Vi Văn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 26/4/2023.

Xử phạt bị cáo Vi Văn T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 26/4/2023.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, vỏ màu đỏ, số máy: MWHV2LL/A, số seri DNPZT3B7N72L, máy không lắp thẻ sim (imei1: 356555101613704, imei2: 356555101557992) của bị cáo Trần Văn H và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, vỏ màu đen xám số máy: MWL72LL/A, số seri C6KD1HWLN72J, máy không lắp thẻ sim (imei1: 352895119026760, imei2: 352895118717666) của bị cáo Vi Văn T.

(Thể hiện tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương)

4. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc các bị cáo H và T có trách nhiệm liên đới nộp lại số tiền 8.756.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc các bị cáo H và T có trách nhiệm liên đới trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tổng số tiền là 145.834.000đ (một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng), trong đó: Bà Trần Thị Hồng T1 số tiền 21.280.000đ (hai mươi mốt triệu hai trăm tám chục nghìn đồng); bà Nguyễn Thị Thanh H4 số tiền 17.579.000đ (mười bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng); bà Châu Thị Kim L số tiền 4.626.000đ (bốn triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng);

bà Trần Thị Cẩm L1 số tiền 18.504.000đ (mười tám triệu năm trăm lẻ bốn nghìn đồng); bà Lê Thị L2 số tiền 16.904.000đ (mười sáu triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng); bà Thái Thị Kim T2 số tiền 22.205.000đ (hai mươi hai triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng); ông Phan Văn S số tiền 6.476.000đ (sáu triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng); bà Nguyễn Thị V1 số tiền 9.252.000đ (chín triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng); bà Phạm Thị N số tiền 2.685.000đ (hai triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng); bà Trần Thị Kim P số tiền 2.776.000đ (hai triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng); ông Vũ Văn C số tiền 1.850.000đ (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng); ông Nguyễn Văn P1 số tiền 1.850.000đ (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng); bà Đồng Thị L3 số tiền 3.701.000đ (ba triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng) và bà Nguyễn Thị Mỹ L4 số tiền 16.146.000đ (mười sáu triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trần Văn H và Vi Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Công an huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- UBND thị trấn Phước Vĩnh (để thông báo);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Ân